

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 11 - 2020
“V/v tranh chấp ly hôn
và chia nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc
2. Ông Huỳnh Văn Đương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2010/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và chia nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Văn Th, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Đoàn Thị H, sinh năm 1969 (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội

Người đại diện theo quy định pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội. Ông Dương Quyết Th ủy quyền cho ông Lai Hữu Th, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Trà Vinh, làm người đại diện, theo quyết định ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS, ngày 19/9/2019.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lai Hữu Th: Bà Lâm Thị Hồng H, chức vụ: Phó Giám đốc theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2020 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2020, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Phạm Văn Th trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 1988 ông Phạm Văn Th và bà Đoàn Thị H xác lập quan hệ hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn luôn bất hòa, cãi vã những việc trong gia đình, ông Th có tạo điều kiện hàn gắn nhưng hàn gắn không bao lâu thì có mâu thuẫn và không ai quan tâm ai nên ông Th bỏ đi từ năm 2007 đến nay. Nay thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông Th yêu cầu ly hôn với bà Đoàn Thị H.

- Về con tên: Phạm Tấn H, sinh năm 1990, Phạm Thanh Ph, sinh năm 1993 và Phạm Thanh H, sinh năm 1997, các con đã thành niên nên ông Th không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Ông Th không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải trả: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cầu Ngang số tiền khoảng 5.000.000 đồng, ông Th cam kết tự có trách nhiệm trả cho Ngân hàng riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra ông Th không có yêu cầu tranh chấp gì khác.

Bị đơn Đoàn Thị H vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết bà H có lời khai như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn Th chung sống vào năm 1988 không có đăng ký kết hôn, trong cuộc sống bà H thừa nhận bà và ông Th luôn bất hòa, cãi vã do tính tình ông Th có nhiều thay đổi làm cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống riêng khoảng năm 2003 đến nay, không hòa thuận được, không tạo điều kiện để hoàn gắn lại, do đó nay ông Th yêu cầu ly hôn thì bà H đồng ý.

- Về con tên: Phạm Tấn H, sinh năm 1990, Phạm Thanh Ph, sinh năm 1993 và Phạm Thanh H, sinh năm 1997, các con đã thành niên nên bà H không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Bà H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải trả: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cầu Ngang số tiền khoảng 5.000.000 đồng, ông Th cam kết tự có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nên bà không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bà Hiệp không có yêu cầu, tranh chấp nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cầu Ngang do bà Lâm Thị

Hồng H làm đại diện vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết bà H có lời khai như sau: Xác định ông Th và bà H có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cầu Ngang số tiền là 4.847.000 đồng nhưng ông Th có cam kết tự có trách nhiệm trả đúng hạn cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng không khởi kiện đối với ông Th, bà H trong vụ kiện này.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự và xét thấy việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 14, khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị tuyên bố không công nhận ông Phạm Văn Th và bà Đoàn Thị H là vợ chồng. Về con tên Phạm Tấn H, sinh năm 1990, Phạm Thanh Ph, sinh năm 1993 và Phạm Thanh H, sinh năm 1997, các con đã thành niên ông Th, bà H không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả thì ông Th, bà H và Ngân hàng chính sách xã hội không tranh chấp nên đề nghị không xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm đề nghị buộc ông Th phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bà Đoàn Thị H và bà Lâm Thị Hồng H đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, chị H.

Xét đơn khởi kiện của ông Phạm Văn Th khởi kiện tranh chấp ly hôn và chia nợ chung đối với bà Đoàn Thị H; địa chỉ tại ấp S, xã M, huyện C nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn và chia nợ chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy ông Phạm Văn Th và bà Đoàn Thị H xác định xác lập hôn nhân vào năm 1988 mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là vi phạm Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X nên xác định hôn nhân giữa ông Th và bà H là không hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa ông Th, bà H xác định có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tin tưởng hay quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và ông Th, bà H sống riêng khoảng năm 2007 đến nay, trong thời gian sống riêng giữa ông Th và bà H không bên nào tạo điều kiện để hàn gắn lại. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã mở các phiên hòa giải để động viên đoàn tụ nhưng bà H vắng mặt và bà H có lời khai xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với ông Phạm Văn Th.

Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn giữa ông Th, bà H ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được và xét việc ông Th, bà H chung sống với nhau từ năm 1988 đến nay mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng mà yêu cầu ly hôn là không chấp nhận được vì vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận ông Th và bà H là vợ chồng.

[3] Về nuôi con: Xét thấy giữa ông Th, bà H có các người con tên Phạm Tấn H, sinh năm 1990, Phạm Thanh Ph, sinh năm 1993 và Phạm Thanh H, sinh năm 1997 các con đã thành niên, ông Th và bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Th và bà H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về số nợ phải trả: Ông Th, bà H có nợ Ngân hàng chính sách tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cầu Ngang nhưng ông Th cam kết tự có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng chính sách xã hội có đơn không khởi kiện đối với ông Th, bà H trong vụ kiện này nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc ông Phạm Văn Th phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[7] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X.

Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Phạm Văn Th.

- **Về hôn nhân:** Không công nhận ông Phạm Văn Th và bà Đoàn Thị H là vợ chồng.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Ông Phạm Văn Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002613 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Ông Th đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa